

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ HƯNG HÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 66 /NQ -HĐND

Hưng Hà, ngày 14 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi NSNN trên địa bàn xã
phương án phân bổ chi ngân sách xã năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HƯNG HÀ
KHOÁ VI KỲ HỌP THỨ 12
(Ngày 12/2024)**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ luật NSNN số: 83/2015 ngày 25/6/2017;
Sau khi xem xét tờ trình số :917/TTr-UBND ngày 17/12/2024 của UBND
Xã Hưng Hà về việc ban hành Nghị quyết phân bổ thu, chi NSNN năm 2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. HĐND xã Hưng Hà khoá VI kỳ họp thứ 12 nhất trí dự toán thu
NSNN trên địa bàn xã, phương án phân bổ chi ngân sách xã năm 2025 như sau:

1. Tổng thu NSNN : 8.817.000.000 đ

- Thu NSNN trên địa bàn : 445.000.000 đ

Trong đó: thu điều tiết ngân sách xã : 349.000.000 đ

- Thu bổ sung cân đối 10.932.000.000 đ

(Đính kèm phụ lục 01)

2. Tổng chi NSNN: 11.281.000.000 đ

Trong đó:

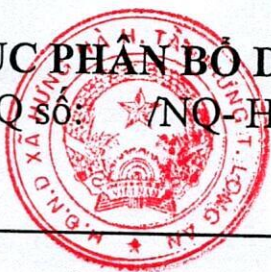
- Tiết kiệm 10% : 206.000.000 đồng

- Chi thường xuyên : 10.825.000.000 đ

+ Kinh phí không tự chủ : 2.559.860.000 đ

+ Kinh phí tự chủ : 8.265.140.000 đ

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Đính kèm NQ số: /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND xã Hưng Hà)



Đơn vị: 1.000 đồng

STT	DIỄN GIẢI	Chương	Loại	Khoản	Số tiền	Ghi chú
01	<u>Kinh phí giao tự chủ (13)</u>				<u>8,265,140,000</u>	
	-HĐND	802	340	341	386,200,000	
	- UBND	805	340	341	3,637,380,000	
	- An ninh	809	040	041	1,130,000,000	
	- Quốc phòng	810	010	011	259,000,000	
	- TCCT-XH (ĐTNCS HCM)	811	340	361	311,300,000	
	- TCCT-XH (HPN)	812	340	361	293,200,000	
	- TCCT-XH (HND)	813	340	361	297,300,000	
	- TCCT-XH (HCCB)	814	340	361	301,260,000	
	- Đảng	819	340	351	1,143,000,000	
	- TCCT-XH (MTTQ)	820	340	361	394,180,000	
	- Hội CTĐ	824	340	362	28,080,000	
	- Hội NCT	825	340	362	28,080,000	
	- Hội KH	826	340	362	28,080,000	
	- Hội CĐHH	989	340	362	28,080,000	
02	<u>Kinh phí giao không tự chủ (12)</u>				<u>2,559,860,000</u>	
	-HĐND	802	340	341	23,660,000	
	- UBND	805	340	341	49,500,000	
	- Sự nghiệp GD, ĐT, dạy nghề	805	070	098	95,000,000	
	- Sự nghiệp y tế	805	130	139	34,200,000	
	- Sự nghiệp Văn hóa	805	160	161	19,800,000	
	- Sự nghiệp phát thanh	805	190	191	29,700,000	
	- Sự nghiệp thể dục thể thao	805	220	221	9,000,000	
	- Sự nghiệp môi trường	805	250	261	63,000,000	
	- Sự nghiệp kinh tế (kiến thiết thị chính)	805	280	312	210,000,000	
	- Sự nghiệp kinh tế (UDCNC)	805	280	338	13,500,000	
	- An ninh	809	040	041	360,000,000	
	- Quốc phòng	810	010	011	1,486,000,000	
	- TCCT-XH (HPN)	812	340	361	3,600,000	
	- Đảng	819	340	351	20,700,000	
	- TCCT-XH (MTTQ)	820	340	361	39,600,000	
	- Hội CTĐ	824	340	362	9,000,000	
	- Hội NCT	825	340	362	9,000,000	
	- Hội KH	826	340	362	9,000,000	

	- Hội CĐHH	989	340	362	9,000,000	
	- BĐXH (Chính sách, HĐ phục vụ người có công CM)	860	370	371	12,000,000	
	- BĐXH (Chính sách, HĐ phục vụ các ĐT BTXH, và các ĐT khác)	860	370	398	18,600,000	
	- Chi khác	860	428	428	36,000,000	
03	<u>Tiết kiệm 10% thực hiện tiền lương tăng thêm</u>				<u>206,000,000</u>	
04	<u>Dự phòng</u>				<u>250,000,000</u>	
	<u>Tổng cộng:</u>				<u>11,281,000,000</u>	

Số tiền bằng chữ: Muop

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ- HĐND ngày tháng 12 năm 2024)

ĐVT : Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán 2025 (Huyện giao)	Thu điều tiết cân đối	Dự toán 2025 HĐND Xã giao	Ghi chú
	Tổng thu	11,377,000,000			
A	Tổng thu NS trên địa bàn	445,000,000	349,000,000	11,411,900,000	
1	Thuế NQD	56,000,000	349,000,000	479,900,000	
	*TNDN			56,000,000	
	*GTGT				
	*Môn bài	56,000,000		56,000,000	
2	Thuê trước bạ, đất	300,000,000	300,000,000	-	
	- Trước bạ nhà, đất	300,000,000	300,000,000	330,000,000	
3	Thuế SDD phi NN	4,000,000	4,000,000	330,000,000	
4	Thu phí và lệ phí	20,000,000	20,000,000	4,400,000	
	- Lệ phí môn bài	8,000,000	8,000,000	22,000,000	
	- Các loại phí và lệ phí khác	12,000,000	12,000,000	8,800,000	
5	Thuế TNCN	40,000,000	40,000,000	13,200,000	
6	Thu khác ngân sách	25,000,000	25,000,000	40,000,000	
	- Thu phạt	15,000,000	15,000,000	27,500,000	
	- Các loại khác	10,000,000	10,000,000	16,500,000	
B	Thu chuyển giao	10,932,000,000	10,000,000	11,000,000	
1	Thu bổ sung cân đối	7,368,000,000	-	10,932,000,000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3,564,000,000		7,368,000,000	
3	Nguồn cải cách tiền lương			3,564,000,000	
				-	